

Bản án số: 454/2022/HS-ST

Ngày: 16/11/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Liên Minh và bà Nguyễn Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 487/2022/TLST-HSST ngày 28 tháng 10 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 445 /2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1- Họ và tên: Lưu Văn Đ; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 16 tháng 8 năm 1972, tại Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Xóm ĐH, xã TT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 07/10

Con ông: Lưu Hải A (đã chết); Con bà Trần Thị H (đã chết)

Vợ: Phạm Thị TH (đã ly hôn).

Có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2009.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 21/2010/HSST ngày 03/02/2010, của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12 tháng 02 năm 2013. Chấp hành xong án phí ngày 06 tháng 06 năm 2012.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/7/2022 đến nay). Có mặt tại phiên tòa

2- Họ và tên: Phùng Văn K; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 10 tháng 12 năm 1973, tại Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Xóm LH 6, xã VT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 04/10; Nghề nghiệp: Tự do

Con ông: Phùng Văn O (đã chết); Con bà Bùi Thị V (đã chết)

Vợ: Ngô Thị M (đã ly hôn).

Có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1997.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại quyết định số 1644/QĐ - UBND ngày 02 tháng 8 năm 2010 của UBND huyện PL quyết định đưa người nghiện đi cai nghiện tại trung tâm CB - LĐTBXH huyện PL, thời gian cai nghiện 18 tháng. Chấp hành xong ngày 15/12/2011.

Tại bản án số 507/2018/HS-ST ngày 30/11/2018, của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/12/2019. Chấp hành xong án phí ngày 03 tháng 4 năm 2019.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/7/2022 đến nay). Có mặt tại phiên tòa

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị L, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn TP, xã HV, huyện TA, tỉnh Hưng Yên.

(Vắng mặt)

Người chứng kiến: Anh Dương Hải N, sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ 3, phường QV, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 15 phút ngày 26/7/2022, tổ công tác Công an phường QV, thành phố TN làm nhiệm vụ tại khu vực tổ 03, phường QV, thành phố TN, phát hiện 02 nam thanh niên điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda; BKS 89B1 - 694.00 có biểu hiện vi phạm về tội phạm ma túy, tổ công tác yêu cầu kiểm tra, 02 nam thanh niên trên khai tên là Lưu Văn Đ và Phùng Văn K. Quá trình kiểm tra Đ tự giác lấy từ lòng bàn tay trái ra 01 gói giấy màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng, tiếp tục kiểm tra phát hiện trong túi quần bên trái phía trước Đ đang mặc 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kiểm tra người K phát hiện trong túi quần phía trước bên phải K đang mặc có 01 gói giấy vệ sinh màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng. Đ và K khai đó là ma túy Heroine vừa mua được đề cùng nhau sử dụng. Kiểm tra xe mô tô BKS 89B1- 694.00 không phát hiện thu giữ gì liên quan đến ma túy. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Đ và K thu giữ, niêm phong vật chứng theo quy định, ngoài ra tổ công tác còn tạm giữ 01 xe mô tô BKS 89B1 - 694.00 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 01 căn cước công dân mang tên Lưu Văn Đ.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TN tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng số chất bột thu giữ của Lưu Văn Đ có khối lượng là 0,178 gam và số chất bột thu giữ của Phùng Văn K là 0,072 gam, lấy toàn bộ số chất bột màu trắng cho vào bì niêm phong ký hiệu A1, B1 gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 1174/KL-KTHS ngày 03/8/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Chất bột màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu A1, gửi giám định là chất ma túy, loại **Heroine**, khối lượng thu giữ ban đầu là 0,178 gam. Chất bột màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu B1, gửi giám định là chất ma túy, loại **Heroine**, khối lượng thu giữ ban đầu là 0,072 gam

Vật chứng của vụ án:

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu A1 bên trong chứa 0,165 gam ma túy mẫu hoàn lại sau giám định và vỏ bì niêm phong ban đầu.
 - 01 phong bì niêm phong ký hiệu B1 bên trong chứa 0,055 gam ma túy mẫu hoàn lại sau giám định và vỏ bì niêm phong ban đầu.
 - 01 căn cước công dân mang tên Lưu Văn Đ
 - 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số IMEI: 354991075543092.
 - 01 xe mô tô BKS 89B1 - 694.00; số khung AY191137, số máy E0231172.
- A ký xe mang tên Vũ Đức U, sinh năm 1974; trú tại phường QT, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên.

Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 458/CT-VKSTPTN ngày 27/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Lưu Văn Đ và Phùng Văn K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đ và bị cáo K đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, nhất trí nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên. Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lưu Văn Đ và Phùng Văn K mỗi bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo; Xử lý vật chứng và buộc hai bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đ và bị cáo K không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan. Cả hai bị cáo nói lời sau cùng đều xin hội đồng xét xử mức án thấp nhất.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan toàn bộ các chứng cứ, ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi của các bị cáo thấy rằng: Tại phiên tòa, Lưu Văn Đ, Phùng Văn K khai nhận: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 26/7/2022 Đ điều khiển xe mô tô BKS 89B1- 694.00 đến nhà Phùng Văn K xóm LH 6, xã VT, huyện PL, tỉnh Thái

Nguyên rú K cùng đi mua ma túy Heroine để sử dụng, K đồng ý, Đ điều khiển xe mô tô chở K ngồi phía sau, khi đi đến khu vực đường tàu gần Đại học Nông Lâm, Thái Nguyên Đ dừng xe và đưa cho K số tiền 100.000 đồng, bảo K đi mua ma túy Heroine, K cầm tiền đi bộ đến khu vực cách đường tàu khoảng 200 mét mua 01 gói Heroine với giá 100.000 đồng một người đàn ông không quen biết, sau khi mua được ma túy Heroine K quay lại chỗ Đ đứng đợi và chia gói ma túy Heroine thành 02 gói nhỏ, K đưa cho Đ 01 gói ma túy Heroine, còn K 01 gói Heroine, rồi Đ và K đi tìm nơi sử dụng, khi đi đến khu vực tổ 3, phường QV, thành phố Thái Nguyên thì bị tổ công tác công an phường QV phát hiện bắt quả tang thu giữ 02 gói ma túy Heroine, 01 căn cước công dân mang tên Lưu Văn Đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 01 xe mô tô BKS 89B1 - 694.00. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng như nêu trên.

Lời khai nhận của Lưu Văn Đ, Phùng Văn K phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án

Như vậy hành vi tàng trữ 0,250 gam ma túy loại Heroine của Lưu Văn Đ và Phùng Văn K đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” phạm vào điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù 01 năm đến 05 năm:

a....., b.....

c, Heroine, ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

Do đó các bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật quy định.

[3] Xét tính chất hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước, hành vi đó còn làm mất trật tự an toàn xã hội.

Xét về vai trò của hai bị cáo thì thấy: Bị cáo Đ là người khởi xướng bị cáo K là người thực hành tích cực nên cả hai bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm đối với hành vi phạm tội đã gây ra.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả hai bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử hai bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, vì vậy cả hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Xem xét nhân thân của từng bị cáo thì thấy: Tại bản án số 21/2010/HSST ngày 03/02/2010, của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Lưu Văn Đ 15 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Sau khi ra trại trở về địa phương bị cáo không lấy đó làm bài học cải sửa mà lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội.

Đối với bị cáo K là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp. Năm 2010 đã bị UBND huyện PL quyết định đưa đi cai nghiện. Năm 2018 bị cáo đã bị xử phạt tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện trở thành người có ích, mà lại tiếp tục lao vào con đường

phạm tội, trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội. Đây là tình tiết để Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt đối với cả hai bị cáo.

[6] Về hình phạt: Sau khi đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đề xuất mức hình phạt đối với cả hai bị cáo mỗi bị cáo mức án từ 24 đến 30 tháng tù là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[7] Về vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 04 bì niêm phong ký hiệu A1, B1, A2, B2. Trả lại cho bị cáo Đ 1 căn cước công dân, Tạm giữ 01 điện thoại di động của Đ để đảm bảo thi hành án.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 89B1- 694.00 chị Trần Thị L cho bị cáo Lưu Văn Đ mượn, tuy nhiên chị L không biết bị cáo Đ sử dụng phương tiện vào hành vi phạm tội, chị L đề nghị được nhận lại chiếc xe làm phương tiện đi lại nên Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho chị L.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với số ma túy thu giữ của Lưu Văn Đ và Phùng Văn K khai mua của một người đàn ông không quen biết. Quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của người đàn ông này nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên không xem xét xử lý.

Đối với chị Trần Thị L cho Đ mượn xe. Quá trình điều tra xác định chị L không liên quan đến hành vi phạm tội của Đ và K nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lưu Văn Đ và Phùng Văn K phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249, Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự; Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Xử phạt bị cáo Lưu Văn Đ 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo Đ 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đ.

Xử phạt bị cáo Phùng Văn K 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo K 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo K.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu huỷ 04 bì niêm phong ký hiệu A1, B1, A2, B2; Trả lại cho bị cáo Đ 01 căn cước công dân, Tạm giữ 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của Đ để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho chị Trần Thị L 01 xe mô tô BKS 89B1- 694.00. (Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản số 63 ngày 27/10/2022 giữa Công an thành phố TN và Chi cục thi hành án dân sự thành TN).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đ phải chịu 200.000 đồng, bị cáo K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Báo cho các bị cáo Đ, K biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP TN
- VKSND tỉnh Thái Nguyên
- Công an TP TN
- CQ THAHS TP TN;
- CCTHADS TP TN;
- Trại tạm giam;
- UBND nơi BC cư trú;
- Bị cáo; Người TGTT khác;
- Lưu HS, Lưu VP

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Liên

